

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10 /2020/HSST
Ngày: 23/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thơm

2/ Ông Nguyễn Văn Bình

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* ông Dương Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2020/HSST ngày 20 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Văn T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1989 tại huyện T2, tỉnh Vĩnh Long; Nơi cư trú: ấp H1, xã X, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn M và bà Trương Thị T1; Bị cáo có vợ nhưng đã ly hôn, có 01 con 8 tuổi; Tiền án; tiền sự: không.

Về nhân thân: Ngày 09/6/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 21/12/2019, ngày 23/12/2019 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Trần Thị Kiều L, sinh năm 1980. Có mặt

Địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trương Thị T1, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 10/6/2019 bị cáo điều khiển xe mô tô biển số kiểm soát 52N9-5125 đến nhà cậu ruột là anh Trương Văn N, vợ là Trần Thị Kiều L ngụ ấp H1, xã X, huyện T2, mục đích bị cáo đi chơi. Khi đến nhà thấy cổng rào đã khóa, cửa nhà mở nhưng không có người trông giữ nên bị cáo nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo leo qua hàng rào lưới B40 vào nhà và thấy ti vi màu đen, màn hình phẳng, hiệu LG 49LH59T, loại 49 inch là tài sản của chị L để giữa tủ trong phòng khách. Bị cáo lấy trộm ti vi trở ra ngoài theo đường cũ, bị cáo để ti vi lên ba ga xe điều khiển đến nhà anh Lê Trung H kêu bán ti vi nhưng H không đồng ý mua. Bị cáo chở ti vi đến cửa hàng điện tử, gia dụng Hoàng D tại ấp T3, xã H2, huyện V do anh Nguyễn Hoàng D làm chủ để bán ti vi. Do trên đường đi ti vi bị bể màn hình nên anh D mua với giá 500.000đ, bị cáo đồng ý bán và lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Khoảng 08 giờ cùng ngày, anh N về nhà phát hiện ti vi bị mất nên trình báo công an. Ngày 11/6/2019 bị cáo và mẹ ruột là Trương Thị T1 đến cửa hàng Hoàng D chuộc lại ti vi trả cho chị L.

Tại kết luận định giá tài sản số 29/KLHD-ĐGTS ngày 27/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: ti vi màu đen, màn hình phẳng, hiệu LG49L59T loại 49 inch có giá trị là 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)

Ngày 13/8/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn ra Quyết định khởi tố vụ án, ngày 30/9/2019 ra quyết định khởi tố bị can và ra lệnh bắt để tạm giam đối với Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Ngày 04/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra Quyết định truy nã bị can. Ngày 15/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Trà Ôn tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, tạm đình chỉ điều tra đối với Trần Văn T. Ngày 21/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn bắt Trần Văn T theo quyết định truy nã. Ngày 23/12/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trà Ôn ra Quyết định đình nã và Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự, quyết định phục hồi điều tra đối với Trần Văn T.

Tại bản cáo trạng số 09/CT-VKSTÔ ngày 19/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố bị cáo Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Trần Văn T khai nhận: Bị cáo thống nhất kết luận định giá tài sản số 29/KLHD-ĐGTS ngày 27/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện Trà Ôn. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn truy tố đúng hành vi phạm

tội của bị cáo. Bị cáo ăn năn về hành vi đã làm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại chị Trần Thị Kiều L trình bày: Ti vi màu đen, màn hình phẳng, hiệu LG 49LH59T, loại 49 inch là tài sản chung của chị và anh Trương Văn N. Sau khi ly hôn, anh N đã chia cho chị hưởng nên là tài sản riêng của chị, chị không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị T1 trình bày: Bà và bị cáo đến cửa hàng Hoàng Dương chuộc lại ti vi trả cho bị hại, bà T1 không yêu cầu gì đối với bị cáo.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thực hành quyền công bố tại phiên tòa đề nghị: Giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b,h,s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Đối với 01 ti vi màu đen, màn hình phẳng, hiệu LG 49LH59T, loại 49 inch của bị hại Trần Thị Kiều L, chị L đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề nghị xem xét.

Đối với xe mô tô 01 xe mô tô biển số 52N9-5125 là tài sản của bị cáo, do người bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị trả lại cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị không xem xét do bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo trộm cắp tài sản là sai, bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình sớm về với gia đình, làm lại cuộc đời.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ NHẬN ĐỊNH:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Trà Ôn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, kết luận định giá cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, qua đó xác định: Khoảng 07 giờ ngày 10/6/2019 bị cáo Trần Văn T có hành vi lén lút lấy trộm 01 ti vi màu đen, màn hình phẳng, hiệu LG 49LH59T, loại 49 inch của chị Trần Thị Kiều L. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 29/KLHD-ĐGTS ngày 27/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Trà Ôn kết luận: Giá trị của tài sản bị cáo trộm cắp ngày 10/6/2019 là 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn đã truy tố đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài nên đã xâm phạm đến tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho người dân tại khu vực. Bị cáo có nhân thân không tốt, đã từng bị xử phạt tù về tội xâm phạm tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn, gây khó khăn trong quá trình điều tra, chứng tỏ bị cáo có thái độ xem thường pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử cần phải xử lý nghiêm khắc nhằm răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[5] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo thuyết phục gia đình chuộc lại tài sản trả lại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, Hội đồng xét xử cần cân nhắc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại b,h,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi lượng hình đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa, nhằm tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở người hữu dụng sau này.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Trần Thị Kiều L đã nhận lại tài sản bị mất trộm và không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[7] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị T1 đã bỏ tiền chuộc ti vi trả lại cho bị hại, bà T1 không yêu cầu bị cáo trả lại tiền nên Hội đồng không đề cập xem xét.

[8] Về vật chứng:

[8.1] Đối với 01 ti vi màu đen, màn hình phẳng, hiệu LG 49LH59T, loại 49 inch quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho chị L, chị L không có yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8.2] Đối với xe mô tô biển số 52N9-5125 là tài sản của bị cáo, tại phiên tòa bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo có nghĩa vụ nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù.

Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn (ngày 21/12/2019).

3. Về vật chứng: áp dụng điểm b, khoản 3 Điều 109 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo 01 xe mô tô biển số 52N9-5125 hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn đang quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/02/2019).

4. Án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng: Khoản 2, Điều 136 của Bộ luật hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Văn T nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án..

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh Vĩnh Long
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn;
- Công an huyện Trà Ôn;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Trà Ôn;
- Ủy ban nhân dân xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga